**Thứ hai ngày 28 tháng 12 năm 2020**

**TẬP ĐỌC**

**TÌM NGỌC**

**I. Mục tiêu**

- Biết ngắt, nghỉ hơi đúng sau các dấu câu; biết đọc với giọng kể chậm rãi.

- Hiểu ND: Câu chuyện kể về những con vật nuôi trong nhà rất tình nghĩa, thông minh, thực sự là bạn của con người. (Trả lời được câu hỏi 1, 2, 3).

- Giáo dục HS biết yêu thương loài vật chăm sóc bảo vệ chúng.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Gv: Tranh minh hoạ SGK.

- Hs: SGK

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định:**  **2. Kiểm tra bài cũ:** “*Đàn gà mới nở*”  - HS đọc bài và TLCH:  - Nhận xét.  **3. Bài mới:**  - Giới thiệu bài: *Tìm ngọc*  ***\* Hoạt động 1:*** *Luyện đọc*  - GV đọc mẫu toàn bài: lưu ý HS đọc bài với giọng nhẹ nhàng tình cảm.  \* Đọc từng câu:  - GV yêu cầu HS đọc nối tiếp nhau từng câu cho đến hết bài.  - Tìm từ ngữ khó đọc trong bài: *rắn nước, buồn, ngoạm, toan rỉa thịt, đánh tráo, nuốt*  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp câu lần 2.  \* Đọc từng đoạn trước lớp và kết hợp giải nghĩa từ  - Yêu cầu HS đọc từng đoạn nối tiếp nhau.  - Hướng dẫn HS cách ngắt nghỉ hơi và nhấn giọng ở một số câu dài:  *+ Xưa/ có chàng trai thấy một bọn trẻ định giết con rắn nước/ liền bỏ tiền ra mua,/ rồi thả rắn đi.// Không ngờ/ con rắn ấy là con của Long Vương.//*  *+ Mèo liền nhảy tới/ ngoạm ngọc/ chạy biến.// (giọng nhanh hồi hộp)*  *+ Nào ngờ,/ vừa đi một quãng thì có con quạ sà xuống/ đớp ngọc/ rồi bay lên cây cao.// (giọng bất ngờ ngạc nhiên)*  - Yêu cầu HS đọc chú giải những từ mới.  - Yêu cầu HS đọc từng đoạn lần 2.  \* Yêu cầu HS đọc từng đoạn trong nhóm.  \* Tổ chức thi đọc giữa các nhóm.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* Cho cả lớp đọc đồng thanh đoạn 4.  ***\* Hoạt động 2:*** *Hướng dẫn tìm hiểu bài*  *-* Gọi HS đọc đoạn 1  - H: Do đâu chàng trai có viên ngọc quý?  - Gọi HS đọc đoạn 2  -H: Ai đánh tráo viên ngọc?  - Gọi HS đọc đoạn 3, 4, 5  + Ở nhà thợ kim hoàn, Mèo nghĩ ra kế gì để lấy lại viên ngọc?  + Khi ngọc bị cá đớp mất, Mèo, Chó đã làm cách nào để lấy lại ngọc?  - Gọi HS đọc đoạn 6  + Tìm trong bài những từ ngữ khen Mèo và Chó?  - GV liên hệ, giáo dục.  **\* Hoạt động 3:** Luyện đọc lại  - GV mời đại diện lên bốc thăm.  - Nhận xét và tuyên dương nhóm đọc hay nhất  4. **Củng cố – Dặn dò**:  -H:Câu chuyện này giúp em hiểu điều gì?  - GV giáo dục HS.  - Yêu cầu HS đọc lại bài kỹ để có ý kể lại câu chuyện cho mạch lạc dựa theo các yêu cầu kể trong SGK.  - Nhận xét tiết học và dặn chuẩn bị bài mới. | - Hát  - HS đọc bài và TLCH  - Nhận xét  - Nghe, ghi bài vào vở.  - HS theo dõi  - HS đọc nối tiếp từng câu  - HS nêu phân tích, đọc lại  - Đọc nối tiếp cầu lần 2.  - HS đọc các từ khó  - HS nối tiếp đọc đoạn (4, 5 lượt)  - HS đọc theo hướng dẫn của GV  - HS đọc chú giải SGK  - HS đọc từng đoạn lần 2.  - HS đọc trong nhóm  - Đại diện nhóm thi đọc  - HS nhận xét  - Cả lớp đọc  - HS đọc, lớp đọc thầm  + Do rắn đền ơn  - HS đọc, lớp đọc thầm  + Thợ kim hoàn  - HS đọc  + Bắt con chuột đi tìm ngọc  + Rình ở bờ sông, chờ ai câu cá thì lấy lại.  - HS đọc  - HS nêu  - Đại diện nhóm lên bốc thăm đọc bài  - Nhận xét  - HS nêu  - Lắng nghe và thực hiện  - Lắng nghe |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TOÁN**

**ÔN TẬP PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (Tr82)**

**I. Mục tiêu**

- Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm.

- Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. Biết giải bài toán về nhiều hơn.

- Bồi dưỡng lòng ham thích môn học.

**II. Đồ dùng dạy học:** 4 băng giấy cho bài 3 và 2 băng giấy cho bài 5.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định:**  **2. Bài cũ:** *Luyện tập chung*  - Yêu cầu 3 HS sửa bài 2  - Nhận xét  **3. Bài mới**:  - Giới thiệu bài: *Ôn tập về phép cộng và trừ*  **\* Bài** **1**  - Gọi HS nêu yêu cầu.  - GV chia nhóm, mỗi nhóm giải 1 cột.  - Nhận xét mối quan hệ giữa các phép tính.  - Nhận xét.  **\* Bài 2**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS làm, gọi 3 HS làm bảng.  - Gọi HS nêu cách tính  - Nhận xét, sửa bài.  **\* Bài** **3 (a,c)** :  - GV đưa nội dung phần a lên bảng và hướng dẫn cách làm.  -H: Em có nhận xét gì về kết quả của hai biểu thức: 9 + 1 + 7 và 9 + 8 ?  - GV kết luận: *9 cộng 1 rồi cộng 7 cũng chính bằng 9 cộng 8.*  - GV nhận xét, sửa sai  **\* Bài 4:**  **-** Gọi 1 HS đọc bài toán.  - Hướng dẫn HS phân tích đề toán.  - GV giới thiệu sơ đồ tóm tắt bài toán:  48 cây  Lớp 2A :  12 cây  Lớp 2B :  ? cây  - Cho lớp làm bài vào vở, 1 em làm bảng.  - Gọi HS trình bày bài.  - GV nhận xét, chữa bài  **4. Củng cố - Dặn dò:**  - Gọi HS đọc lại bảng cộng, trừ.  - Dặn làm các BT còn lại và chuẩn bị bài *Ôn tập về phép cộng và trừ (tiếp theo).*  - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS. | - Hát  - Mỗi em một câu  - Lắng nghe, khen bạn  - Lắng nghe, ghi bài vào vở.  - HS đọc yêu cầu  - Đại diện mỗi nhóm trình bày  - Hs nêu  - Lắng nghe  - 1 em nêu yêu cầu  - 3 HS làm bảng lớp, lớp làm vào vở  38 81 47  +  42 - 27 + 35  80 54 82 ....  - Nêu cách tính.  - Sửa bài.  - 1 em nêu yêu cầu.  - Lắng nghe  - HS nêu: Kết quả của hai biểu thức đó bằng nhau.  - HS tự làm tiếp phần c và nêu kết quả.  - Lắng nghe  - HS đọc đề bài  - Phân tích đề  - Tóm tắt vào vở.  - 1 HS giải, lớp làm vở  Bài giải  Số cây lớp 2B trồng được là:  48 + 12 = 60(cây)  Đáp số: 60 cây.  - HS đọc lại 1 số bảng cộng, trừ đã học.  - HS nghe.  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Thứ ba ngày 29 tháng 12 năm 2020**

**KỂ CHUYỆN**

**TÌM NGỌC**

**I. Mục tiêu**

- Dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn của câu chuyện.

- HS khá, giỏi kể lại được toàn bộ câu chuyện (BT2).

- Giáo dục tình bạn giữa các vật nuôi trong nhà với chủ.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- GV: Tranh minh hoạ.

- HS: SGK, vở.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định:**  **2. Bài cũ:** “*Con chó nhà hàng xóm*”.  -Yêu cầu 2 HS kể nối tiếp nhau lại câu chuyện.  - GV nhận xét, biểu dương HS.  **3. Bài mới:**  **-** Giới thiệu bài: *Tìm ngọc*  **\* Bài 1**: Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh**:**  - Yêu cầu HS đọc yêu cầu.  - GV treo 6 tranh lên bảng, yêu cầu lần lượt 6 em lên kể lại từng đoạn theo tranh.  - GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo tranh trong nhóm  - Yêu cầu các nhóm lên trình bày.  - GV nhận xét tính điểm thi đua  **\* Bài 2:** Kể lại toàn bộ câu chuyện **(HS khá, giỏi)**  **4. Củng cố, dặn dò**  ? Qua câu chuyện này giúp em hiểu điều gì?  - Dặn kể lại câu chuyện cho người thân nghe và chuẩn bị: “*Ôn thi HK1*”  - Nhận xét tiết học | - Hát  - 2 HS kể  - Lắng nghe  - Nghe, ghi bài vào vở.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - 6 HS lên kể truyện theo tranh, mỗi HS kể 1 tranh.  - Mỗi nhóm 6 bạn lần lượt kể nối tiếp nhau trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lên trình bày  - Bình chọn nhóm kể hay nhất.  - HS khá, giỏi kể toàn bộ câu chuyện.  - Lớp bình chọn bạn kể hay.  - Tình cảm của các con vật đối với chủ thật đáng quý.  - Lắng nghe và thực hiện  - Lắng nghe |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TOÁN**

**ÔN TẬP PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (TT)(Tr83)**

**I. Mục tiêu**

- Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm.

- Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trog phạm vi 100. Biết giải bài toán về nhiều hơn.

- Bồi dưỡng lòng ham thích môn học.

**II. Đồ dùng dạy - học:** 4 băng giấy (bài 3)bảng con

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Bài cũ:**  - Yêu cầu HS đọc bảng trừ 13, 14, 15 …  - GV nhận xét bài cũ  **2. Bài mới**: *“Ôn tập về phép cộng trừ”*  **\* Bài 1**:  - GV cho HS nhẩm tính kết quả nhanh.  - Yêu cầu HS nêu ngay kết quả.  - GV nhận xét đánh giá.  **\* Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Cho HS làm bài vào vở, gọi HS lên bảng làm.  - GV gọi HS nêu cách làm và nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá.  **\* Bài 3 (a,c)**:  - Chia nhóm và phát 4 băng giấy cho các nhóm thảo luận.  - GV sửa, nhận xét (GV lưu ý giúp HS nhận ra đặc điểm từng cặp bài ở phần).  - GV nhận xét đánh giá.  **\* Bài 4**:  - Gọi HS đọc bài toán.  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu HS tóm tắt .  - Cho HS làm vở, gọi 1 HS làm bài trên bảng.  - Nhận xét, sửa bài.  **3. Củng cố- Dặn dò** | - Hát  - Cá nhân đọc  - Lắng nghe  - HS đọc yêu cầu  - Đại diện mỗi nhóm trình bày  - HS nêu nhanh kết quả tính  12 – 6 = 6 14 – 7 = 7  9 + 9 = 18 17 – 8 = 9 ....  - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài, HS lên bảng làm  68 90 .....  +27 -32  95 58  - Nhận xét bài bạn  - HS đọc yêu cầu  - HS thảo luận  - Đại diện các nhóm trình bày  16 – 9 = 7 17 – 9 = 6  16 – 6 – 3 = 7 17 - 3 = 14  - Lắng nghe  - 2 HS đọc để toán  - Thùng lớn đựng 60 l nước, thùng bé đựng ít hơn thùng lớn 22l nước.  - Thùng bé đựng bao nhiêu l nước?  - 1 em lên bảng tóm tắt.  - Lớp làm vở, 1 HS giải bảng phụ  Bài giải  Số lít nước thùng bé đựng là:  60 – 22 = 38 (l nước)  Đáp số: 38 l nước  - Lắng nghe |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

# **ĐẠO ĐỨC**

# **GIỮ TRẬT TỰ, VỆ SINH NƠI CÔNG CỘNG (TIẾT 2)**

**I. Mục tiêu**

- Nêu được ích lợi của việc trật tự vệ sinh nơi công cộng.

- Nêu được những việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng.

- Thực hiện giữ trật tự, vệ sinh ở trường, lớp, đường làng, ngõ xóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Tranh ảnh môi trường công cộng.

Sưu tầm sách báo tranh ảnh, bài hát nói về trật tự nơi công cộng.

- HS: Dụng cụ lao động

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| *1. Bài cũ****:***  -H: Thế nào là giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng?  -H: Giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng có lợi gì?  - Nhận xét, tuyên dương.  2. Bài mới:  - **Giới thiệu bài: *Giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng (Tiết 2)***  ***\* Hoạt động 1:*** *Quan sát tình hình giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng*  **\*** HS thấy được tình hình trật tự, vệ sinh ở một nơi công cộng và nêu biện pháp cải thiện thực trạng.  - GV đưa HS đến 1 nơi công cộng gần trường để quan sát tình hình trật tự vệ sinh nơi đó.  + Nơi công cộng này được dùng để làm gì?  + Ở đây, trật tự, vệ sinh có được thực hiện tốt hay không? Vì sao các em cho là như vậy?  + Nguyên nhân nào gây nên tình trạng mất vệ sinh nơi đây?  + Mọi người cần làm gì để giữ trật tự vệ sinh nơi đây?  ***- Kết luận:* Mọi người đều phải giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng. Đó là nếp sống văn minh giúp cho công việc của mọi người thuận lợi, môi trường trong lành có lợi cho sức khoẻ.**  **\* Hoạt động 2:** Sưu tầm tư liệu  - GV yêu cầu HS thảo luận để trình bày các bài thơ, bài hát, tiểu phẩm… và giới thiệu 1 số tranh ảnh, bài báo sưu tầm được nói về giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Kết luận: *Những nơi công cộng quanh ta*  *Vệ sinh trật tự mới là văn minh.*  ***\*GDKNS:*** *Em hãy nêu những việc em đã làm để giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng?*  **3. Củng cố - Dặn dò**:  **- Giáo dục HS: thực hiện nếp sống văn minh nơi công cộng.**  - Nhận xét tiết học, dặn chuẩn bị: ***Trả lại của rơi (Tiết 1).*** | - Hát  - HS trả lời câu hỏi của GV nêu ra.  - Nhận xét  - Lắng nghe, ghi bài vào vở.  **Động não**  - HS quan sát, nhận xét.  - Thảo luận nêu ý kiến, trình bày.  - HS nghe  .  **Thảo luận nhóm**  - HS trình bày theo nhóm.  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS đọc ghi nhớ ở VBT  - Vứt rác đúng nơi quy định.  - Tiểu tiện đúng nơi.  - Tham gia các hoạt động trồng cây xanh của khu phố.  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**CHÍNH TẢ**

**NGHE – VIẾT: TÌM NGỌC**

**I. Mục tiêu**

- Nghe - viết chính xác bài chính tả, trình bày đúng bài tóm tắt câu chuyện Tìm ngọc.

- Làm đúng BT2; BT(3) a/b

- Giáo dục tính cẩn thận.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK, vở, bảng con

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định:**  **2. Bài cũ:** “*Trâu ơi*”  - GV cho HS sửa lỗi trong vở  - GV nhận xét bài cũ   1. **Bài mới:**   - Giới thiệu bài: Nghê viết: *Tìm ngọc*  **\* HĐ 1:** Hướng dẫn nghe viết  **-** GV đọc đoạn viết  - Yêu cầu HS đọc đoạn viết trên bảng:  -H: Nội dung đoạn viết là gì?    -H: Chữ đầu đoạn viết thế nào?  -H: Tìm những chữ trong bài chính tả dễ viết sai.  -H: Vì sao từ Long Vương viết hoa?  - GV đọc từ khó  - GV đọc bài trước khi viết bài  - GV hướng dẫn cách trình bày.  - GV đọc từng câu, từng cụm từ cho HS viết.  - GV đọc cho HS dò lỗi  - Chấm, nhận xét  **\*HĐ 2:** Hướng dẫn làm bài tập chính tả  **Bài 2:** *ui hay uy*?  - GV yêu cầu HS làm bài vào SGK.  - Gọi HS nêu miệng kết quả.  - GV nhận xét, sửa bài.  **Bài 3a:** *r/d/gi*  - Tổ chức trò chơi “Ai nhanh”  - Mỗi tổ chọn 4 bạn, mỗi bạn sẽ điền vào 1 chỗ trống *r/d/gi*  - Tổng kết, nhận xét   1. **Củng cố, dặn dò**   - Khen những em chép bài chính tả đúng, đẹp, làm bài tập đúng nhanh.  - Dặn chuẩn bị: “*Gà tỉ tê với gà*”  - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS. | - Hát  - HS sửa lỗi  - HS nhận xét bạn  - HS lắng nghe, ghi bài  - Lắng nghe  - 2 HS đọc bài, lớp đọc thầm  - Chó và Mèo là những vật nuôi trong nhà rất tình nghĩa, thông minh, thực sự là bạn của con người  - Viết hoa, lùi vào 2 ô  - HS nêu: Long Vương, mưu mẹo, tình nghĩa.  - Vì là tên riêng chỉ người.  - HS luyện viết bảng con.  - Lắng nghe  - HS viết nội dung đoạn viết vào vở.  - HS dò lỗi  - 1 em nêu yêu cầu  - lớp làm bài vào SGK.  - 3 HS lần lượt nêu kết quả:  *- Chàng trai xuống thủy cung, được Long Vương tặng viên ngọc quý.*  *- Mất ngọc chàng trai đành ngậm ngùi. Chó và Mèo an ủi chủ.*  *- Chuột chui vào tủ, lấy viên ngọc cho Mèo. Chó và Mèo vui lắm.*  - 1 em nêu yêu cầu  - 4 tổ tham gia chơi tiếp sức  *- Rừng núi, dừng lại, rang tôm*  - HS nhận xét  - HS nghe.  - Lắng nghe và thực hiện.  - Lắng nghe |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

# **PHÒNG TRÁNH NGÃ KHI Ở TRƯỜNG**

**I. Mục tiêu**

- Kể tên những hoạt động dễ ngã, nguy hiểm cho bản thân và cho người khác khi ở trường.

- Biết cách xử lí khi bản thân hoặc người khác bị ngã.

- Giáo dục HS có ý thức phòng tránh ngã khi ở trường.

**II. Đồ dùng học tập:** Các hình vẽ trong SGK, giấy**.**

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Bài cũ:** *Các thành viên trong nhà trường*.  - Hãy kể các thành viên trong trường em?  - Họ có nhiệm vụ gì?  - GV nhận xét, tuyên dương  **2. Bài mới:**  **-**Giới thiệu bài: P*hòng tránh ngã khi ở trường*  ***\* Hoạt động 1:*** *Làm việc với SGK.*  - YCHS nêu những trò chơi nguy hiểm  - GV ghi lên bảng  - YCHS quan sát tranh 1, 2, 3, 4 trong SGK  - HS thảo luận nhóm đôi, nói những hoạt động của các bạn trong từng hình.  - Phân tích mức độ nguy hiểm của từng hoạt động.  - **KL:** Chạy đuổi nhau trong trường, chạy và xô đẩy nhau ở cầu thang, trèo cây, với cành qua cửa sổ trên lầu … là rất nguy hiểm không chỉ cho bản thân mà đôi khi còn gây nguy hiểm cho bạn khác.  ***\* Hoạt động 2:*** *Lựa chọn trò chơi bổ ích .*  - Phát cho 6 nhóm mỗi nhóm 1 phiếu bài tập được viết trên giấy rô ki   |  |  | | --- | --- | | Hoạt động nên  tham gia | Hoạt động không nên tham gia | |  |  |   - Yêu cầu các nhóm điền vào những hoạt động nên hay không nên làm để giữ an toàn cho mình và người khác.  - GV kết luận: *Cần tham gia các hoạt động vui chơi không gây nguy hiểm để phòng tránh tai nạn.*  ***GDKNS:*** *Nên và không nên làm gì để đề phòng tránh ngã?*  **3. Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS.  - Dặn HS chuẩn bị bài: “*Thực hành: Giữ trường học sạch đẹp*”. | - HS nêu  - Lắng nghe  - Lắng nghe  - Thảo luận nhóm  - HS nêu: đánh nhau, xô ngã…  - Chú ý theo dõi  - HS thảo luận nhóm  - Đại diện các nhón trình bày  *Hình 1: Các bạn chơi: nhảy dây, đánh cầu, bắn bi, xô đẩy nhau, trèo cây*  *Hình 2: Các bạn với tay qua cửa sổ để hái hoa phượng*  *Hình 3: Các bạn xô đẩy khi đi xuống cầu thang*  *Hình 4: Các bạn đi trật tự thành 2 hàng*  - Nhắc lại kết luận.  - Trò chơi.  - HS thảo luận  - HS thực hiện theo yêu cầu điền vào 2 cột ở trong phiếu  - Nhóm cử đại diện lên trình bày  - Các nhóm khác nhận xét và rút ra những điều nên tham gia và không nên tham gia  - HS nghe.  - HS nêu.  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Thứ tư ngày 30 tháng 12 năm 2020**

**TẬP ĐỌC**

**GÀ “TỈ TÊ” VỚI GÀ**

**I. Mục tiêu**

- Biết ngắt, nghỉ hơi đúng sau các dấu câu

- Hiểu ND: Loài gà cũng có tình cảm với nhau: che chở, bảo vệ, yêu thương nhau như con người. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK)

- Có tình cảm thương yêu và biết bảo vệ loài vật .

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Gv: Tranh minh hoạ SGK.

- HS: SGK, vở.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định:**  **2. Bài cũ:** “*Tìm ngọc* ”  - Gọi HS đọc và trả lời câu hỏi  - Nhận xét, biểu dương HS.   1. **Bài mới:**   - Giới thiệu bài: “Gà” tỉ tê” gà  **\* Hoạt động 1:** Luyện đọc  - GV đọc mẫu toàn bài  \* Hướng dẫn HS đọc từng câu:  + GV chỉ định 1 HS đọc đầu bài, các em sau nối tiếp nhau tự động đọc từng dòng đến hết bài.  + GV uốn nắn cách đọc cho từng em.  - Hướng dẫn tìm từ khó: *roóc roóc, nói chyện, gấp gáp, nũng nịu*  - GV cho HS đọc nối tiếp câu lần 2.  \* Đọc đoạn trước lớp  - GV chia đoạn  - Yêu cầu đọc đoạn  - Luyện đọc câu khó. Lưu ý nghỉ hơi rõ ràng, rành mạch sau mỗi từ, mỗi cụm từ.  \* Đọc từng đoạn trong nhóm.  \* Thi đọc giữa các nhóm (đọc từng đoạn, cả bài)  - Đại diện các nhóm thi đọc tiếp nối với nhau (1 HS đọc 1 đoạn)  - GV nhận xét, đánh giá  - Gọi HS đọc toàn bài  **\* Hoạt động2** Tìm hiểu bài  - Cho HS đọc đoạn 1 và TLCH:  + Gà con biết trò chuyện với mẹ khi nào?  + Gà mẹ và gà con nói chuyện với nhau bằng cách nào?  - Cho HS đọc đoạn 2, 3 và TLCH  + Cách gà mẹ báo hiệu cho con biết”không có gì nguy hiểm” như thế nào?  + Cách gà mẹ báo cho con biết”lại đây mau các con, mồi ngon lắm” ra sao?  + Còn cách gà mẹ báo con biết”Tai họa Nấp mau” biểu hiện như thế nào?  - GV kết luận: *Tình cảm yêu thương và bảo vệ của gà mẹ đối với đàn con của mình.*  **\* Hoạt động 3**: Luyện đọc lại  - Tổ chức HS thi đua đọc  - GV nhận xét đánh giá  **4. Củng cố, dặn dò**  H: Bài văn giúp em hiểu điều gì?  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn chuẩn bị bài tập đọc tiết tới “*Thêm sừng cho ngựa*” | - Hát  - Vài HS đọc và TLCH  - HS nhận xét  - Lắng nghe, ghi bài vào vở.  - Lớp theo dõi  - HS đọc nối tiếp câu (2 lượt)  - HS nêu, phân tích từ khó  - HS nối tiếp đọc câu lần 2.  - HS chia đoạn  - HS đọc từng đoạn  *- Từ khi gà con nằm trong trứng,/ gà mẹ đã nói chuyện với chúng/ bằng cách gõ mỏ lên vỏ trứng,/ còn chúng/ thì phát tín hiệu nũng nịu đáp lời mẹ.//*  *- Đàn con đang xôn xao/ lập tức chui hết vào cánh mẹ,/ nằm im.//*  - HS đọc  - Đại diện nhóm thi đọc  - Lớp nhận xét, đánh giá  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS đọc đoạn 1  - HS trả lời  - HS đọc đoạn 2, 3  - HS trả lời  - Lắng nghe, nhắc lại  - Đại diện nhóm đọc  - Lớp nhận xét  - HS phát biểu  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TỪ NGỮ VỀ VẬT NUÔI. CÂU KIỂU AI THẾ NÀO**

**I. Mục tiêu**

- Nêu được các từ ngữ chỉ đặc điểm của loài vật vẽ trong tranh (BT1).

- Bước đầu thêm được hình ảnh so sánh vào sau từ cho trước và nói câu có hình ảnh so sánh (BT2, BT3).

- Yêu quý vật nuôi.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Gv: Tranh minh họa phóng to hoặc thẻ từ có nam châm viết tên 4 con vật trong bài tập 1.Thẻ từ viết 4 từ chỉ đặc điểm (nhanh, chậm, khỏe, trung thành)**.** Bảng phụ ghi bài tập 2, 3.

- HS: vở, SGK.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định:**  **2. Bài cũ:** *Từ chỉ tính chất. Câu kiểu Ai thế nào? Từ ngữ về vật nuôi*.  - Gọi 3 HS đặt câu có từ ngữ chỉ đặc điểm, 1 HS làm miệng bài tập 2.  - Nhận xét  **3. Bài mới:**  - Giới thiệu bài: *Từ ngữ về vật nuôi. Câu kiểu Ai thế nào?*  **\* Bài 1:** Chọn từ chỉ đặc điểm thích hợp  - GV treo các bức tranh lên bảng.  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - Gọi 4 HS lên bảng nhận thẻ từ.  - GV nhận xét  **\* Bài 2:** Thêm hình ảnh so sánh  - Gọi HS đọc yêu cầu bài.  - Gọi HS đọc câu mẫu.  - Gọi HS nói câu so sánh.  - Nhận xét, khen HS.  **\* Bài 3:**Viết tiếp ý so sánh cho câu  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - GV hướng dẫn làm câu 1  - Gọi HS hoạt động theo cặp.  - Gọi HS bổ sung.  - Nhận xét  **4. Củng cố, dặn dò**  ? Nêu các thành ngữ chỉ đặc điểm các con vật mà em biết.  - Nhận xét tiết học và dặn chuẩn bị: *Tiết ôn tập HK1* | - Hát  - HS làm  - Lắng nghe  - Nghe, ghi tên bài  - HS đọc: chọn cho mỗi con vật dưới đây 1 từ chỉ đúng đặc điểm của nó.  - Quan sát  - 2 HS một nhóm làm 2 bức tranh, HS dưới lớp làm nháp. Mỗi thẻ từ gắn dưới 1 bức tranh con vật.  *1. Trâu- khỏe 2. Rùa- chậm*  *3. Chó- trung thành 4. Thỏ- nhanh*  - HS nhận xét, lớp đọc đồng thanh  - HS làm miệng  - HS đọc  *- Đẹp như tiên (tranh)*  - HS nói liên tục.  *Cao như sếu (cây sào)*  *Khỏe như trâu (voi)*  *Nhanh như thỏ (sóc)*  *Chậm như rùa (sên)*  *Trắng như tuyết (trứng gà bóc)*  *Xanh như tàu lá*  *Đỏ như son (gấc)*  - HS đọc  *- Mắt con mèo nhà em tròn như hòn bi ve...*  *-* HS nói tiếp*: tròn như hạt đậu.*  *- Toàn thân nó phủ 1 lớp lông màu tro mượt như nhung/ như tơ.*  *- Hai tai nó nhỏ xíu như 2 búp lá non/ như 2 cái mộc nhĩ tí hon.*  - HS nêu.  - HS lắng nghe và thực hiện. |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TOÁN**

**ÔN TẬP PHÉP CỘNG - PHÉP TRỪ (TT) (Tr84)**

**I. Mục tiêu**

- Thuộc bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm.

- Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. Biết giải bài toán về ít hơn, tím số bị trừ, số trừ, số hạng của một tổng.

- Giáo dục HS tính cẩn thận, chính xác, yêu thích toán học.

**II. Đồ dùng dạy học:** Hình tứ giác**.** Bảng phụ

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định:**  **2. Bài cũ:**  **3. Bài mới:**  - Giới thiệu bài:  **\* Bài 1 (cột 1,2,3):**  - GV tổ chức HS nêu nhanh kết quả  - GV nhận xét, sửa:  **\* Bài 2 (cột 1,2):**  - GV yêu cầu HS làm bài (tự đặt tính rồi tính)  - Yêu cầu nêu cách tính.  - GV nhận xét  **\* Bài 3:**  - GV yêu cầu HS xác định tên gọi của *x* trong phép tính  - Nêu lại qui tắt tìm số hạng, số bị trừ, số trừ.  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - GV nhận xét, sửa  **\* Bài 4:** Yêu cầu HS đọc đề toán.  - Hướng dẫn phân tích, tóm tắt  H: Muốn biết em cân nặng bao nhiêu kilôgam ta làm thế nào?  - Yêu cầu 1 HS giải bảng lớp, lớp làm vở.  - Nhận xét, sửa bài  **4.Củng cố, dặn dò** | - Hát  - Nghe, ghi tên bài  - HS đọc yêu cầu  - HS nêu nhanh kết quả  - HS nhận xét  - HS đọc yêu cầu  - Làm bài vào vở, 1 em lên bảng làm.  36 100 100 45  + 36 - 2 - 75 +45  72 98 25 90 …  - HS đọc yêu cầu  - HS nêu tên gọi  - HS nêu  - HS làm vở, vài HS làm bảng con  x +16 = 20 x – 28 = 14  x = 20-16 x = 14 + 28  x = 4 x = 42  - 2 HS đọc đề toán.  - Theo dõi và trả lời  - HS nêu  - Lớp làm vở, 1 em làm bảng  **Bài giải**  Em cân nặng là:  50 – 16 = 34(kg)  Đáp số: 34 kg  - Nghe, sửa bài. |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Thứ năm ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**TOÁN**

**ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (Tr85)**

**I. Mục tiêu**

- Nhận dạng được và gọi đúng tên hình tứ giác, hình chữ nhật.

- Biết vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước; biết vẽ hình theo mẫu.

- Rèn HS tính cẩn thận.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Gv: 6 hình như SGK, thước có vạch từ 0 đến 20.

- Hs: SGK, vở.

**III. Cc hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**:  **2. Bài cũ**: *Ôn tập về phép cộng và phép trừ*  - Gọi HS lên sửa bài 3 và bài4 / 84 SGK.  - Nhận xét, biểu dương HS.  **3. Bài mới**:  - Giới thiệu bài: *Ôn tập về hình học.*  **\* Bài 1**:  - GV chia lớp thành 4 nhóm. GV đính 6 hình như SGK và yêu cầu HS đính tên mỗi hình.  - Nhận xét phần trình bày.  - Nhận xét, tuyên dương.  **\* Bài 2**:  - Yêu cầu HS vẽ vào vở, GV nhắc nhở HS thao tác vẽ.  - Sửa bài, nhận xét.  **\* Bài 4**:  - GV hướng dẫn HS chấm các điểm vào vở rồi dùng thước và bút chì nối các điểm đó theo hình mẫu.  - Nhận xét.  **4. Củng cố - Dặn dò:**  - Yêu cầu HS phát hiện trong lớp những đồ vật có hình dạng đúng với GV nêu ra.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS.  - Dặn làm lại các bài tập và chuẩn bị: Ôn tập về đo lường*.* | - Hát  - HS sửa bài theo yêu cầu của GV.  - Lắng nghe  - Ghi bài vào vở.  - Nêu yêu cầu  - Các nhóm thảo luận và đại diện nhóm trình bày.  a) Tam giác, b) tứ giác, c) tứ giác, d) hình vuông, e) hình chữ nhật,  g) tứ giác,  - 1 HS nêu.  - HS làm bài.  - HS nhận xét, sửa  - HS vẽ hình theo mẫu  - HS nhận xét, sửa  - HS tìm và nêu.  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TẬP VIẾT**

**CHỮ HOA Ô, Ơ**

**I. Mục tiêu**

**-** Viết đúng 2 chữ hoa Ô, Ơ (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ - Ô hoặc Ơ), chữ và câu ứng dụng: *Ơn* (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), *Ơn sâu nghĩa nặng* (3 lần)

- Giáo dục ý thức rèn chữ, giữ vở.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Gv: Mẫu chữ *Ơ, Ô* hoa cỡ vừa, ích cỡ vừa. Câu *Ơn sâu nghĩa nặng* cỡ nhỏ.

- Hs: Vở tập viết, bảng con.

**III. Cc hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**:  **2. Bài cũ**: *Chữ hoa : O*.  - Gọi 2 HS lên bảng viết chữ *O* hoa, *Ong*  -H: Hãy nêu câu ứng dụng và ý nghĩa của nó?  - Nhận xét, tuyên dương.  **3. Bài mới:**  - Giới thiệu bài: *Chữ hoa: Ô, Ơ*  **\* Hoạt động 1:** Hướng dẫn viết chữ *Ơ. Ô*  - GV treo mẫu chữ *Ơ, Ô*    -H: Chữ *Ơ, Ô* giống và khác chữ *O* ở điểm nào?  -H: Có mấy nét?  - GV vừa viết vừa nhắc lại từng nét để HS theo dõi:  + Chữ *Ô:* viết chữ *O* hoa, sau đó thêm dấu mũ có đỉnh nằm trên đường kẻ 7 (giống dấu mũ trên chữ Â).  + Chữ *Ơ:* viết chữ *O* hoa, sau đó thêm dấu râu vào bên phải chữ (đầu dấu râu cao hơn đường kẻ 6 một chút).  - Yêu cầu HS viết vào bảng con.  - GV theo dõi, uốn nắn.  **\* Hoạt động 2:** Hướng dẫn viết từ ứng dụng    -H: Hãy nêu cụm từ ứng dụng?  - Giúp HS hiểu nghĩa cụm từ ứng dụng: Có tình nghĩa sâu nặng với nhau.  - Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét độ cao của các con chữ :  + Những con chữ nào cao 1 li?  + Những con chữ nào cao 1,25 li?  + Những con chữ nào cao 2,5 li?  + Khoảng cách giữa các chữ trong cùng 1 cụm từ là 1 con chữ o.  + Chú ý cách nối nét ở nét 1 của chữ *n* với cạnh phải của chữ *Ơ*.  - GV viết mẫu chữ *Ơn*    - Hướng dẫn HS viết chữ *Ơn*  - Nhận xét, uốn nắn, tuyên dương.  **\* Hoạt động 3:** Thực hành  - Nêu yêu cầu khi viết.  - GV yêu cầu HS viết vào vở:  1dòng Ô, Ơ cỡ vừa, 1 dòng Ô cỡ nhỏ, 1 dòng Ơ cỡ nhỏ; 1 dòng Ơn cỡ vừa, 1 dòng Ơn cỡ nhỏ; 3 lần câu ứng dụng cỡ nhỏ.  - GV theo dõi, uốn nắn, giúp đỡ HS nào viết chưa đúng.  - Chấm vở, nhận xét.  **4. Củng cố - Dặn dò:**  - GV yêu cầu các tổ tìm những từ có vần *ơn* .  - Dặn về viết tiếp và chuẩn bị: *Chữ hoa: P.*  - Nhận xét tiết học. | - Hát  - 2 HS lên bảng viết, lớp viết vào bảng con.  - Nhận xét.  - Lắng nghe  - HS quan sát.  - HS nêu.  - Có 2 nét.      - HS viết bảng con chữ *Ô, Ơ* (cỡ vừa và nhỏ).  *- Ơn sâu* nghĩa *nặng*  - Lắng nghe  - HS quan sát nhận xét.  - n, â, u, i, a, ă.  - s.  - Ơ, g, h.  - Lắng nghe  - HS theo dõi.  - HS viết bảng con.  - Lắngnghe  - HS nhắc tư thế ngồi viết.  - HS viết.  - HS theo dõi.  - HS tìm.  - Nghe và thực hiện  - Lắng nghe |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**CHÍNH TẢ**

**NGHE – VIẾT: GÀ “TỈ TÊ” VỚI GÀ**

**I. Mục tiêu**

- Nghe viết chính xác bài chính tả, trình bày đúng đoạn văn có nhiều dấu câu.

- Làm được BT2 hoặc BT3 a/b

- Giáo dục HS tính cẩn thận.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Gv: Bảng phụ ghi nội dung bài 2 và bài 3.

- Hs: bảng con, vở.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**:  **2. Bài cũ**: *Tìm ngọc*  - Đọc 1 số chữ HS viết sai nhiều: ***Long Vương, mưu mẹo***  - Nhận xét vở viết, tổng kết bài viết trước.  **3. Bài mới:**  - Giới thiệu bài: Nghe viết: Gà “tỉ tê” với gà.  ***\* Hoạt động 1:*** *Tìm hiểu nội dung bài*  - GV đọc đoạn chính tả  -H: Đoạn văn nói điều gì?  -H: Trong đoạn văn, những câu nào là lời gà mẹ nói với gà con?  -H: Cần dùng dấu câu nào để ghi lại lời gà mẹ?  ***\* Hoạt******động 2:*** *Hướng dẫn viết bài*  - Yêu cầu HS đọc từng câu và tìm những tiếng có âm, vần khó viết.  - GV ghi bảng: *dắt, bầy con, kiến, cúc, kêu, mau.*  - Đọc từng chữ cho HS viết vào bảng con.  - Đọc cho HS viết bài.  - Đọc cho HS sửa lỗi.  - Thu vở, nhận xét  ***\* Hoạt động 3:*** *Làm bài tập*  **\* Bài 2**: Điền vào chỗ trống ao hay au.  - Yêu cầu lớp đọc thầm đoạn văn, làm bài vào vở.  - Sửa bài.  **\* Bài 3a**  *Bánh rán, con gián, dán giấy.*  *Dành dụm, tranh giành, rành mạch.*  - Nhận xét, tuyên dương.  **4. Củng cố – Dặn dò:** | - Hát.  - HS viết bảng con.  - Nhận xét  - Nghe, ghi bài vào vở.  - 2 em đọc lại  - Cách gà mẹ báo tin cho con biết.  - “Không có gì nguy hiểm”  “Lại đây các con”, Cúc … cúc.  - Dấu 2 chấm và ngoặc kép.  - HS tìm và nêu.  - HS đọc  - Viết bảng con.  - HS viết bài.  - Sửa lỗi chéo vở.  - HS nêu đề bài.  - Lớp làm vào vở.  Sau, gạo, sáo, xao, rào, báo, mau, chào.  - HS làm vào vở.  - HS sửa bài. |

**Bổ sung:** .........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

# **THỦ CÔNG**

# **GẤP, CẮT, DÁN BIỂN BÁO GIAO THÔNG CẤM ĐỖ XE (TIẾT 1)**

**I. Mục tiêu**

- HS biết cách gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe

- Gấp, cắt, dán được biển báo giao thông cấm đỗ xe. Đường cắt có thể mấp mô. Biển báo tương đối cân đối.

- Có ý thức chấp hành luật giao thông.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Mẫu hình biển báo giao thông cấm đỗ xe**.** Qui trình gấp, cắt, dán từng bước Giấy thủ công (đỏ, xanh, màu khác), kéo, hồ dán, bút chì, thước kẻ

- HS: Giấy thủ công, keo, bút màu, kéo, thước kẻ.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. **Khởi động:** 2. **Kiểm tra bài cũ:** “*Gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm xe đi ngược chiều”*   - Cho HS nêu lại quy trình  - Cho HS để dụng cụ lên bàn kiểm tra  - GV nhận xét   1. **Bài mới:**   - Giới thiệu bài: Gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe.  **\* Hoạt động 1:** Hướng dẫn quan sát nhận xét  - Cho HS quan sát nhận xét:  + Biển báo giao thông cấm đỗ xe có hình gì?  + Biển báo giao thông cấm đỗ xe gồm có những phần nào?  + Nhận xét sự khác nhau và giống nhau của biển báo giao thông cấm đỗ xe với những biển báo giao thông đã học?  -H: Có mấy bước để gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe?  **\* Hoạt động 2:** Hướng dẫn mẫu  - GV lần lược đính các qui trình gấp cắt lên bảng.  ***\* Bước 1: Gấp, cắt biển báo cấm đỗ xe***  - Gấp cắt hình tròn màu đỏ từ hình vuông có cạnh 6 ô.  - Gấp cắt hình tròn màu xanh từ hình vuông có cạnh 4 ô.  - Cắt hình chữ nhật màu đỏ có chiều dài 4 ô rộng 1 ô.  - Cắt hình chữ nhật màu khác có chiều dài 10 ô rộng 1 ô làm chân biển báo giao thông.  ***\* Bước 2: Dán biển báo cấm đỗ xe***  - Dán chân biển báo lên tờ giấy trắng hình 1.  - Dán hình tròn màu đỏ chồm lên chân biển báo khoảng ½ ô hình 4.  - Dán hình tròn màu xanh ở giữa hình tròn màu đỏ  - Dán chéo hình chữ nhật màu đỏ giữa hình tròn màu xanh như hình vẽ.  - GV cho HS làm mẫu, đồng thời nhắc lại quy trình làm.  - Cho HS thực hành nháp.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS yếu.   1. **Củng cố – Dặn dò**:   H: Muốn gấp cắt dán biển báo giao thông cấm xe đỗ cần thực hiện mấy bước?  - Dặn tập thực hành và chuẩn bị: “Tiết 2 ”  - Nhận xét tiết học | - Hát  - HS nêu.  - HS để dụng cụ lên bàn  - Lắng nghe  - Lắng nghe  - HS quan sát nhận xét  - Hình tròn  - Phần biển báo và phần chân  - HS so sánh và trả lời  - 2 bước  - HS quan sát, theo dõi  - HS theo dõi GV làm mẫu  - 2 em làm mẫu  - HS làm nháp  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện  - Lắng nghe |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Thứ sáu ngày 1 tháng 1 năm 2021**

**TOÁN**

**ÔN TẬP VỀ ĐO LƯỜNG (Tr86)**

**I. Mục tiêu**

- Biết xác định khối lượng qua sử dụng cân.

- Biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định 1 ngày nào đó là ngày thứ mấy trong tuần.

- Biết xem động hồ khi kim phút chỉ 12.

**II. Đồ dùng dạy - học:** Cân đồng hồ, lịch cả năm, đồng hồ để bàn.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**:  **2. Bài cũ**: *Ôn tập về hình học*  -H: Gọi HS lên vẽ đuờng thẳng và xác định 3 điểm thẳng hàng.  -H: Nêu các hình đã học.  - Nhận xét, biểu dương HS.  **3. Bài mới**:  - Giới thiệu bài: *Ôn tập về đo lường*  **\* Bài 1**:  - Yêu cầu HS làm miệng  - GV chú ý kỹ cách đọc và cách viết.  - GV nhận xét, sửa bài.  **\* Bài 2(a,b)**:  - GV đưa cho mỗi nhóm 1 tờ lịch trong năm.  - Nhận xét, tuyên dương.  **\* Bài 3(a)**:  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Lớp tự làm bài.  - Nhận xét, tuyên dương.  **\* Bài 4**:  - GV yêu cầu HS làm miệng  - GV nhận xét, sửa  **4. Củng cố - Dặn dò:**  - Nhận xét tiết học và tuyên dương HS. | - Hát  - 3 HS lên bảng.  - HS nêu  - Lắng nghe  - Nghe, ghi bài vào vở.  - HS đọc yêu cầu.  - Cả lớp làm miệng  a) vịt nặng 3kg, b) gói đường nặng 4kg, c) Lan nặng 30 kg  - HS sửa bài.  - HS đọc đề.  - 4 nhóm thảo luận và trình bày kết quả.  VD: a) tháng 10 có 31 ngày...  - Lắng nghe  - HS đọc đề.  a) ngày 1 tháng 10 là ngày thứ tư....  - Lắng nghe  - HS làm miệng  a) chào cờ lúc 7 giờ sáng  b) tập thể dục lúc 9 giờ sáng  - HS nhận xét  - Lắng nghe |

**Bổ sung**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TẬP LÀM VĂN**

**NGẠC NHIÊN, THÍCH THÚ. LẬP THỜI GIAN BIỂU**

**I. Mục tiêu**

- Biết nói lời thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú phù hợp với tình huống giao tiếp (BT1, BT2)

- Dựa vào mẩu chuyện, lập được thời gian biểu theo cách đã học (BT3).

- Trau dồi thái độ ứng xử, tinh thần trách nhiệm trong công việc, bồi dưỡng tình cảm lành mạnh.

**II. Đồ dùng học tập:** Tranh minh hoạ bài tập 1, bút dạ, giấy khổ to.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**:  **2. Bài cũ:**  **3. Bài mới**: *Ngạc nhiên, thích thú. Lập thời gian biểu*  **\* Bài 1**: (miệng)  - GV treo tranh  - Lời nói của cậu con trai thể hiện thái độ ngạc nhiên, thích thú khi thấy món quà mẹ tặng “Ôi! Quyển sách đẹp quá!”  - Lòng biết ơn đối với mẹ “Con cảm ơn mẹ”  **\* Bài 2**: (miệng)  - Yêu cầu HS phát biểu ý kiến.  - GV nhận xét, sửa bài  **\* Bài 3**:  - GV phát giấy, bút dạ cho HS.  - Yêu cầu HS làm nhóm  - GV theo dõi nhận xét  **THỜI GIAN BIỂU BUỔI SÁNG CHỦ NHẬT CỦA HÀ**   |  |  | | --- | --- | | 6g30 – 7g | Ngủ dậy, tập thể dục, đánh răng, rửa mặt | | 7g – 7g15’ | Ăn sáng | | 7g15’- 7g30’ | Mặc quần áo | | 7g30’ | Tới trường dự lễ sơ kết học kỳ | | 10g | Về nhà, sang thăm ông bà. |   - Chấm bài, nhận xét.  ***GDKNS*:** *Khi có điều gì thích thú, em cần thể hiện như thế nào?*  **4. Củng cố – dặn dò :**  - Dặn chuẩn bị: *Ôn tập HK I.*  - Nhận xét tiết học, biểu dương HS. | - Hát  - Lắng nghe  **-** Quan sát tranh để hiểu tình huống trong tranh, từ đó hiểu lời nói của cậu con trai thể hiện thái độ gì.  - 1 HS đọc, cả lớp cùng suy nghĩ.  *- Ôi! Con ốc biển đẹp quá, to quá! Con cảm ơn bố!*  - Sao con ốc đẹp thế, lạ thế! Con cảm ơn bố ạ!  **-** Lắng nghe  - Chia nhóm làm trong 2 phút, sau đó dán bài lên bảng lớp.  - HS đọc thời gian biểu đã lập  - HS nhận xét  - HS nghe.  - Nhận xét tiết học |

**Bổ sung:** .......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ**

**SINH HOẠT LỚP TUẦN 17**

**I. Mục tiêu**

- Học sinh nắm được ưu, khuyết điểm trong tuần qua từ đó nêu ra hướng giải quyết phù hợp; nắm kế hoạch tuần tới.

- Rèn kỹ năng nói, nhận xét, rèn tính tự giác, mạnh dạn, tự tin.

- Giáo dục tinh thần đoàn kết, có ý thức xây dựng nề nếp tốt.

**II. Chuẩn bị**

*-* ***Giáo viên:*** Nội dung kế hoạch hoạt động tuần 18.

***- Học sinh:*** Các tiết mục văn nghệ.

**III. Nội dung sinh hoạt**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên (GV)** | **Hoạt động của học sinh (HS)** |
| **1. Ổn định lớp**: hát  **2. Nội dung sinh hoạt**  **HĐ1**: ***Đánh giá, nhận xét hoạt động tuần qua.***  - Nề nếp:  + Phần lớn đi học chuyên cần.  + Lớp có ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học nhưng vẫn còn xả rác ở sân trường.  + Đi học mặc đồng phục, có bảng tên đầy đủ.  + Lớp vẫn còn nói chuyện riêng trong giờ học.  - Học tập:  + Một số bạn có tinh thần giúp đỡ bạn trong học tập.  + Phát biểu xây dựng bài hăng hái.  - Giữ gìn vệ sinh cá nhân tốt.  - Biểu dương các tổ, cá nhân bằng hoa điểm tốt.  **HĐ 2:** ***Đề xuất phương hướng, kế hoạch tuần 18***  - Học bình thường.  - Đảm bảo chuyên cần trong học tập.  - Biết giữ vệ sinh cá nhân.  - Phát huy mặc đồng phục khi đến trường.  - Không được nói chuyện riêng.  - Mang đầy đủ đồ dùng học tập.  - Tuyên dương những HS hăng hái phát biểu, biết giúp đỡ bạn.  - Tích cực ôn tập để chuẩn bị kiểm tra HK I.  H: Để làm tốt kế hoạch tuần 18 các em cần làm gì?  - GV tổng kết và đưa ra phương hướng cho tuần tới, đề ra những biện pháp khắc phục những nhược điểm và phát huy ưu điểm.  **HĐ 3**: ***Vui chơi văn nghệ***  - Tổ chức giao lưu văn nghệ giữa các tổ.  **3. Nhận xét tiết sinh hoạt**  - Nhận xét tiết sinh hoạt. | - Ổn định chỗ ngồi và hát tập thể.  - Lắng nghe và đóng góp ý kiến  - Lên nhận hoa điểm tốt.  - Lắng nghe  - Ghi nhớ  + HS nêu ý kiến  - Lắng nghe.  - Tham gia chơi.  - Lắng nghe |

**Bổ sung:** ..........................................................................................................................................

..........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................